

Số: 75/QĐ -MNRĐ

Hiệp An, ngày 13 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế ba công khai
theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường mầm non Rạng Đông
Năm học 2021- 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 90/2018/BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BCT ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách , tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng quy định tại thông tư số 52/2020/ TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư ban hành điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-MNRĐ ngày 13/9/2021 ban hành quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường mầm non Rạng Đông Năm học 2021- 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 74 / KH-MNRĐ ngày 13/9/2021 về kế hoạch thực hiện quy chế 3 công khai năm học 2021-2022;

Xét phẩm chất đạo đức, năng lực của từng thành viên trong nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2020-2021 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Trúc; Hiệu trưởng; Trưởng Ban;
2. Bà: Trịnh Hữu Xuân Nguyên; Phó hiệu trưởng; Phó ban;
3. Bà: Đoàn Ngọc Bích Trâm; Kế Toán; Thành viên;
4. Bà: Nguyễn Nữ Bé Huyền; Chủ tịch công đoàn cơ sở; Thành viên

5. Bà: Đinh Thị Phương Hiền; TTCM khối Lá; Thành viên;
6. Bà: Nguyễn Trung Bảo Lam; TCMC Khối NT, M, C; Thành viên;
7. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hậu, TTNDTH; Thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo đúng quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhiệm vụ của các thành viên do Trưởng ban phân công.

Điều 3: Các bộ phận văn phòng, chuyên môn, GV các lớp và các ông (bà) có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Thanh Trúc

Số: 45/QĐ -MNRD

Hiệp An, ngày 13 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
của trường mầm non Rạng Đông
Năm học 2021- 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 90/2018/BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BCT ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của ban liên tịch nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế thực hiện công khai của Trường mầm non Rạng Đông năm học 2021-2022

Điều 2. Ban liên tịch nhà trường; Các Ông, Bà Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn các tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Trúc

11

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hiệp An, ngày 13 tháng 9 năm 2021

QUY CHẾ

**Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường mầm non
Rạng Đông, Năm học 2021- 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ -MNRĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021
của trường mầm non Rạng Đông)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng tại Trường mầm non Rạng Đông

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

Thông tin được công khai tại bảng công khai, trong các cuộc họp và trên gmail phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà trường (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định chất lượng giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của nhà trường: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách; các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo năm học.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này

a) Đăng tải công khai về trang thông tin điện tử của trường vào tháng 5 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện để cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công khai là tháng 5 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

c) Bất cứ lúc nào nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này (Học phí và các khoản thu khác từ người học), ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, nhà trường còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Đối với trẻ em mới tiếp nhận: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ trước khi tổ chức họp cha mẹ trẻ vào đầu năm học mới đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tại cơ sở giáo dục và đào tạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới theo yêu cầu của các cấp.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của các cấp, chủ trì tổ chức công khai bằng các hình thức sau đây:

- a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem.
- c) Đưa lên gmail nội bộ của trường.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 7. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy chế công khai này đến công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên trong đơn vị để thực hiện.

Điều 8. Quy chế này có 4 Chương 8 Điều; Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, các tổ trưởng chuyên môn có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện Quy chế công khai của trường cho Hiệu trưởng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị thủ trưởng đơn vị xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc

Số: 74 /KH -MNRĐ

Hiệp An, ngày 13 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy chế 3 công khai năm học 2021-2022

Căn cứ thông tư số 36/ 2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 90/2018/BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BCT ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách , tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-MNRĐ Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường mầm non Rạng Đông Rạng Đông Năm học 2021- 2022

Căn cứ tình hình thực tế. Trường mầm non Rạng Đông xây dựng kế hoạch 3 công khai năm học 2021-2022 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. Nguyên tắc thực hiện công khai:

- Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

- Thông tin được công khai tại các cơ sở giáo dục và đào tạo và trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. Nội dung công khai:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:



- Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

- Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

- Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

- Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán

thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

IV. Hình thức và thời điểm công khai:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Niêm yết công khai tại trường và đào tạo đảm bảo thuận tiện để mọi người cùng theo dõi. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ trước khi nhà trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với trẻ em mới tiếp nhận hoặc trước khi nhà trường tuyển sinh mới

- Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ trước khi tổ chức họp cha mẹ trẻ, vào đầu năm học mới

V. Giải pháp:

- Nhà trường tiếp tục thực hiện 3 công khai dưới nhiều hình thức: Công khai trên trang thông tin điện tử, bản thông tin của trường, công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể cha mẹ vào các cuộc họp cha mẹ trẻ đầu năm và cuối năm học,...

- Thực hiện 3 công khai nhà trường đều có biên bản niêm yết thời gian công khai và thời gian tháo gỡ biểu mẫu công, trong quá trình công khai có phân công thành viên theo dõi và giám sát báo cáo với Hiệu trưởng kịp thời khi có vướng mắc.

VI. Tổ chức thực hiện:

- Hiệu trưởng có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học tới về phòng giáo dục trước ngày 30 tháng 9 hằng năm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại trường và đào tạo đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ được theo dõi bằng nhiều hình thức: Công khai trên trang thông tin điện tử, bản thông tin của



trường, công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể cha mẹ vào các cuộc họp cha mẹ trẻ đầu năm và cuối năm học,...

- Trong năm học 2021-2022 nhà trường tiếp tục thực hiện 3 công khai niên yết đúng thời gian. Trong quá trình công khai có phân công thành viên theo dõi và giám sát báo cáo với Hiệu trưởng kịp thời khi có vướng mắc.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện 3 công khai năm học 2021-2022 của trường mầm non Rạng Đông./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Hiệp An, ngày 30 tháng 09 năm 2021

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai theo thông 36/201//TT-BDGĐT năm học 2021-2022

(Theo biểu mẫu 1,2,3,4 của thông tư 36/2017/TT-BGDDT của trường mầm non Rạng Đông)

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 ngày 30 tháng 09 năm 2021 tại Trường mầm non Rạng Đông

*** Thành phần:**

1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Trúc ; Hiệu trưởng; Chủ trì
2. Bà: Trịnh Hữu Xuân Nguyên; Phó Hiệu trưởng; Thư kí
3. Bà: Nguyễn Nữ Bé Huyền; Chủ tịch CĐCS; TV tham gia chứng kiến
4. Bà: Đinh Thị Vê; Bí thư chi đoàn thành niên; TV tham gia chứng kiến
5. Bà: Nguyễn Thị Mỹ Dung; TV BTTNDTH; TV tham gia chứng kiến

*** Nội dung công khai:**

- Lập biên bản về việc niêm yết công khai theo thông 36/201//TT-BDGĐT năm học 2021-2022 của trường Mầm non Rạng Đông

- Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ 9h30 ngày 30 tháng 9 năm 2021 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 9h30 ngày 30 tháng 10 năm 2021 (30 ngày liên tục).

*** Hình thức công khai:**

- Niêm yết công khai nội dung bằng bản giấy A4, công khai trên bảng tin của đơn vị

*** Mục đích niêm yết công khai**

- Thực hiện niêm yết công khai theo thông 36/201//TT-BDGĐT, năm học 2021-2022 của trường Mầm non Rạng Đông tại nơi thuận tiện cho toàn thể CBGVNV trong đơn vị và cha mẹ trẻ được biết.

- Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

→ Các thành viên đã thống nhất nội dung công khai, địa điểm công khai và hình thức công khai.

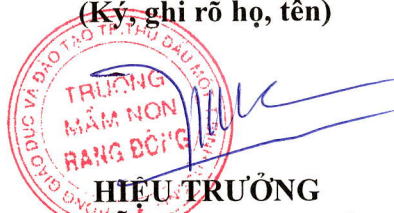
Biên bản lập xong lúc 8 giờ 10 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÍ GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Trịnh Hữu Xuân Nguyễn

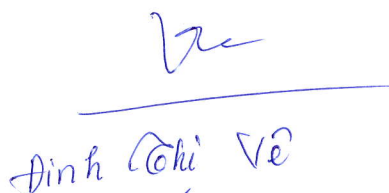
CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ, tên)



The red circular stamp contains the text: "TRƯỜNG MẦM NON HẠNG DŨNG", "ĐO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THỦ ĐẠU HỒI", and "HANG DUNG".

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Trúc

ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN THAM GIA CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Đinh Thị Vệ

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG**

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Duy trì và đảm bảo trẻ có sức khỏe bình thường về cân nặng và chiều cao đạt 95 % trở lên
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ biết tự kiểm soát được hành vi của bản thân. - 100% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản, tự tin, khéo léo. - Trẻ có kiến thức và hiểu biết về tự nhiên, xã hội xung quanh trẻ. - Trẻ trả lời câu hỏi, trao đổi, nói rõ ràng mạch lạc và nhận biết được 29 chữ cái. - Biết quan tâm, chia sẻ và có hành vi ứng xử phù hợp với con người, môi trường. - Yêu thích cái đẹp và tạo được những sản phẩm đơn giản.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- 100% lớp có đủ phòng học. - Trang bị đủ thiết bị, đồ dùng vui chơi học tập (theo thông tư 02/2010/TT-BGDĐT) - Trình độ giáo viên đạt chuẩn trở lên.

Hiệp An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG**

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 9/2021

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	144	10	29	41	64
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	144	10	29	41	64
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	144	10	29	41	64
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ bình thường					
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi					
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi thể nặng					
5	Số trẻ thừa cân					
6	Số trẻ béo phì					
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	144	10	29	41	64
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	144	10	29	41	64

Hiệp An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.708 m ²	17.83 m ²
	Cơ sở 1	3.761 m ²	15.9 m ²
	Cơ sở 2	947 m ²	32.65 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.700 m ²	10.22 m ²
	Cơ sở 1	2.000 m ²	8.47 m ²
	Cơ sở 2	700 m ²	24.13 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	98 m ²	3.62m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12 m ²	0,4 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	20.4 m ²	0.75 m ²
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	90m ²	
6	Diện tích phòng nghệ thuật (m ²)	80 m ²	0,34 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11	Số bộ/nhóm (lớp) 1
1	Số thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có theo quy định	8 bộ	8/ 7 lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	26	26/7
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	11	11/7
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	14	14/7
2	Nhạc cụ (Đàn organ)	11	11/7
3	Máy photo	2	2/7
5	Catsset	4	4/7
6	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/7
7	Bàn ghế đúng quy cách (bộ:1 bàn 2 ghế)	184	184/7
8	Bộ đồ chơi thông minh	9	9/7

9	Bộ màn hình cảm ứng	9	9/7
10	Máy chiếu	1	1/7
11	Bàn nhỏ để máy vi tính	10	10/7

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9 phòng		9		0,36 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (Cáp quang)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Hiệp An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26	0	0	10	4	4	8	7	6	4	8	9	0
I	Giáo viên	15	0	0	9	3	3	0	7	5	3	7	8	0
1	Nhà trẻ	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	1	1	0
2	Mẫu giáo	13	0	0	9	3	1	0	5	4	3	6	7	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	1	1	0	0	0	1	1	1	1	0
1	Hiệu trưởng	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0
III	Nhân viên	9	0	0	0	0	1	8	1	0	0	0	0	0
1	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0
2	Văn thư - Thủ quỹ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
4	Cấp dưỡng	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0
5	Bảo vệ	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
6	Phục vụ	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Hiệp An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 10/2021

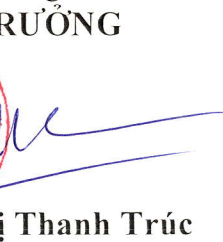
Năm học 2021- 2022

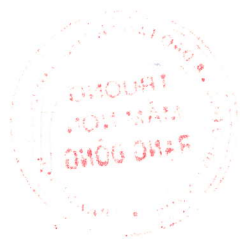
Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	144	10	29	41	64
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	144	10	29	41	64
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	144	10	29	41	64
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ bình thường					
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi					
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi thể nặng					
5	Số trẻ thừa cân					
6	Số trẻ béo phì					
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	144	10	29	41	64
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	144	10	29	41	64

Hiệp An, ngày 29 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 11/2021

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	144	10	29	41	64
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	144	10	29	41	64
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	144	10	29	41	64
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ bình thường					
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi					
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi thể nặng					
5	Số trẻ thừa cân					
6	Số trẻ béo phì					
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	144	10	29	41	64
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	144	10	29	41	64

Hiệp An, ngày 30 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 12/2021

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	144	10	29	41	64
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	144	10	29	41	64
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	144	10	29	41	64
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ bình thường					
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi					
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi thể nặng					
5	Số trẻ thừa cân					
6	Số trẻ béo phì					
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	144	10	29	41	64
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	144	10	29	41	64

Hiệp An, ngày 31 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 01/2022

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	144	10	29	41	64
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	144	10	29	41	64
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	144	10	29	41	64
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	144	10	29	41	64
1	Số trẻ bình thường					
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi					
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi thể nặng					
5	Số trẻ thừa cân					
6	Số trẻ béo phì					
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	144	10	29	41	64
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	144	10	29	41	64

Hiệp An, ngày 31 tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 02/2022

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	172	13	30	52	77
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	172	13	30	52	77
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	172	13	30	52	77
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1	172	13	30	52	77
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	172	13	30	52	77
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ bình thường	144	9	24	43	68
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1	0	0	1	0
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	0	1	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	2	1	0	1	0
	Suy dinh dưỡng 2 thể	1	0	0	0	1
5	Số trẻ thừa cân	5	0	2	2	1
6	Số trẻ béo phì	18	3	3	5	7
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	172	13	30	52	77
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	172	13	30	52	77

Hiệp An, ngày 28 tháng 02 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 03/2022

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	172	13	30	52	77
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	172	13	30	52	77
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	172	13	30	52	77
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1	172	13	30	52	77
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	172	13	30	52	77
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ bình thường	146	9	24	45	68
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	0	1	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	1	1	0	0	0
	Suy dinh dưỡng 2 thể	1	0	0	0	1
5	Số trẻ thừa cân	5	0	2	2	1
6	Số trẻ béo phì	18	3	3	5	7
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	172	13	30	52	77
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	172	13	30	52	77

Hiệp An, ngày 30 tháng 03 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 04/2022

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	172	13	30	52	77
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	172	13	30	52	77
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	172	13	30	52	77
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1	172	13	30	52	77
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	172	13	30	52	77
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ bình thường	153	10	25	47	71
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	0	0	0	0	0
	Suy dinh dưỡng 2 thể	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân	10	1	3	1	5
6	Số trẻ béo phì	9	2	2	4	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	172	13	30	52	77
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	172	13	30	52	77

Hiệp An, ngày 29 tháng 04 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 05/2022

Năm học 2021- 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	172	13	30	52	77
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	172	13	30	52	77
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	172	13	30	52	77
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1	172	13	30	52	77
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	172	13	30	52	77
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ bình thường	159	12	29	43	75
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	0	0	0	0	0
	Suy dinh dưỡng 2 thể	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân	6	0	1	4	1
6	Số trẻ béo phì	2	1	0	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	172	13	30	52	77
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	172	13	30	52	77

Hiệp An, ngày 27 tháng 05 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Trúc



Hiệp An, ngày 01 tháng 06 năm 2022

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai theo thông 36/201//TT-BDGĐT
năm học 2021-2022**

(Theo biểu mẫu 1,3, thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường mầm non Rạng Đông)

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 ngày 01 tháng 06 năm 2022 tại Trường mầm non Rạng Đông

*** Thành phần:**

1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Trúc ; Hiệu trưởng; Chủ trì
2. Bà: Trịnh Hữu Xuân Nguyên; Phó Hiệu trưởng; Thư kí
3. Bà: Nguyễn Nữ Bé Huyền; Chủ tịch CĐCS; TV tham gia chứng kiến
4. Bà: Đinh Thị Vê; Bí thư chi đoàn thành niên; TV tham gia chứng kiến
5. Bà: Nguyễn Thị Mỹ Dung; TV BTTNDTH; TV tham gia chứng kiến

*** Nội dung công khai:**

- Lập biên bản về việc niêm yết công khai theo thông 36/201//TT-BDGĐT năm học 2021-2022 của trường Mầm non Rạng Đông

- Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ 9h00 ngày 01 tháng 06 năm 2022 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 9h00 ngày 01 tháng 07 năm 2022 (30 ngày liên tục).

*** Hình thức công khai:**

- Niêm yết công khai nội dung bằng bản giấy A4, công khai trên bảng tin của đơn vị

*** Mục đích niêm yết công khai**

- Thực hiện niêm yết công khai theo thông 36/201//TT-BDGĐT, năm học 2021-2022 của trường Mầm non Rạng Đông tại nơi thuận tiện cho toàn thể CBGVNV trong đơn vị và cha mẹ trẻ được biết.

- Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

→ Các thành viên đã thống nhất nội dung công khai, địa điểm công khai và hình thức công khai.

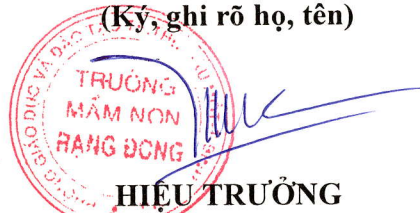
Biên bản lập xong lúc 8 giờ 15 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÍ GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Trịnh Hữu Xuân Nguyên

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ, tên)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Trúc

ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN THAM GIA CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Dung
Nguyễn Thị Mỹ Dung